TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Hải.
Ông Trịnh Ngọc Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện VKSND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiển sát viên.

Trong ngày 05/11/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1993
Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn:* Anh Lê Bảo P – sinh năm 1988
Địa chỉ: Số D, Tổ Đ, Ấp F, xã PT, huyện TP, Đồng Nai.

(Chị L, anh P có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/8/2019, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ý kiến của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P quen biết nhau từ năm 2019 qua mai mối, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2019, việc kết hôn của vợ chồng là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra mối quan hệ giữa chị và mẹ chồng không hòa hợp, mẹ chồng

thường xuyên bắt bẻ, chửi bới chị. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ tháng 8/2019, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống mà không quay về sống chung với anh P nữa nên vợ chồng chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Bảo P.

- *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không nợ bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ý kiến của bị đơn anh Lê Bảo P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận, lời trình bày của chị L về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân của vợ chồng là đúng sự thật, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ tháng 8/2019, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng anh sống ly thân nhau cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn, mặc dù anh không còn tình cảm yêu thương chị L nhưng do chị L hiện nay đang giữ 05 chỉ vàng cưới của vợ chồng nếu chị L trả lại vàng cho anh thì anh đồng ý ly hôn. Còn nếu chị L không trả lại vàng cưới cho anh thì anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Vợ chồng không nợ bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P. Ngày 14/10/2019 anh P tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải sau khi Tòa án tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh P đã nghe đọc lại biên bản nhưng không ký tên vào biên bản mà tự ý bỏ về.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của chị L (bản sao), sổ hộ khẩu (Bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), đơn xin xác nhận (bản chính), 05 tấm hình chị L, kết quả siêu âm (photo), phiếu xét nghiệm tinh dịch (WHO, 2010) (bản photo). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản ghi lời khai của chị L, anh P, biên bản xác minh ngày 04/10/2019 đối với bà Trần Thị Kim X, anh Phạm Châu K. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị L, anh P không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh P.

+ Về con chung: Không có nên không không xem xét.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết ,vì vậy không xem xét.

+ Nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xem xét.

+ Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị L có đơn khởi kiện ly hôn với anh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn" và xác định chị L là nguyên đơn, anh P là bị đơn.

[1.2] Anh P là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp 3, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P tự nguyện chung sống với nhau từ 2019 có đăng ký kết hôn, được UBND xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2019. Như vậy, hôn nhân giữa chị L, anh P được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Chị L yêu cầu ly hôn với lý do, tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống và xảy ra đánh đập nhau. Chị L và anh P đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay.

Anh P cũng cho rằng vợ chồng anh sinh sống hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt; anh và chị L đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay chị L làm đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì lý do chị L hiện nay đang giữ 05 chỉ vàng cưới của vợ chồng

nếu chị L trả lại vàng cho anh thì anh đồng ý ly hôn. Còn nếu chị L không trả lại vàng cưới cho anh thì anh không đồng ý ly hôn.

Xét, chị L và anh P hiện nay đã không còn sống chung với nhau, bản thân chị L và anh P cũng không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung. Như vậy, có căn cứ xác định chị L và anh P đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị L và anh P có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh P.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh P kê khai không có. Ngoài ra anh P cho rằng chị L hiện nay đang giữ 05 chỉ vàng cưới của vợ chồng và yêu cầu chị L phải trả lại vàng cho anh thì anh mới đồng ý ly hôn nhưng anh P không làm thủ tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem giải quyết. Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung ra để giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST về yêu cầu ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Bảo P.

- *Về con chung:* Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về nợ chung:* Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2/ *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số 005625 ngày 30/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí.

3/ Chị L, anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thịnh (để ghi vào sổ hộ tịch; số 27/2019, ngày 21/5/2019);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam